

Số: 156/2020/QĐST-HNGĐ

Mỹ Đức, ngày 07 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Hồng G**, sinh năm 1995.

- *Bị đơn*: Anh **Cao Văn H**, sinh năm 1993.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 12, thôn Đ, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020 là H toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Hồng G và anh Cao Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Hồng G và anh Cao Văn H thuận tình ly

hôn.

2.2. *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung: Cao Trần Gia Bảo, sinh ngày 23/5/2014 và Cao Trần Gia Nhi, sinh ngày 18/11/2016. Vợ chồng thỏa thuận sau ly hôn giao cháu Bảo cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nhi cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng không bên nào phải trợ cấp nuôi con chung gcho bên nào cho đến khi các con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới về người nuôi con và trợ cấp nuôi con chung.

Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản, công nợ chung vợ chồng*: Anh, chị trình bày không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.4 *Về án phí*: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Hồng G tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp chị G được hoàn trả lại 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002830 ngày 26/6/2020 tại Cơ quan thi hành án huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hồng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).